

Ứng dụng lý thuyết đóng khung trong truyền thông nhằm bảo tồn bền vững văn hóa dân tộc Sán Dìu tại tỉnh Thái Nguyên

TS. VŨ THỊ THANH NHÀN

Trường Đại học Thăng Long; Email: nhanvtt@thanglong.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết đóng khung của Erving Goffman để xem xét vai trò của truyền thông trong việc bảo tồn văn hóa người Sán Dìu tại Thái Nguyên. Từ những dữ liệu sẵn có phân tích năm dạng khung: truyền thống, hiện đại hóa, giải pháp, hành động và trách nhiệm. Kết quả nghiên cứu nhằm chỉ ra khung truyền thống giữ vị trí chủ đạo, giúp củng cố bản sắc và khơi dậy niềm tự hào cộng đồng và bảo tồn văn hóa truyền thống trong bối cảnh xã hội đang trải qua giai đoạn hiện đại hóa, trong kỷ nguyên số và phát triển du lịch cộng đồng. Khung giải pháp và hành động tạo sự kết nối giữa định hướng và triển khai thực tiễn, còn khung trách nhiệm thúc đẩy hợp tác giữa các cấp các ngành liên quan. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các hình thức truyền thông hiện tại còn thiên về một chiều và thiếu tính tương tác vì vậy cần các khuyến nghị liên quan đến đa dạng hóa các hình thức truyền thông đa chiều và bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống.

Từ khóa: lý thuyết đóng khung; bảo tồn văn hóa dân tộc; đa dạng truyền thông bảo tồn văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số trở thành một yêu cầu cấp thiết. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Gốc của văn hóa mới là dân tộc. Nếu dân tộc hiện đại cực điểm thì tức là tới chỗ thế giới hòa nó, vì lúc bấy giờ văn hóa thế giới sẽ phải chú ý đến văn hóa của mình, phải làm bạn với văn hóa của mình và văn hóa của mình sẽ chiếm được một địa vị ngang với các nền văn hóa thế giới”⁽¹⁾. Quan điểm này cho thấy bảo tồn văn hóa dân tộc không đối lập với tiến trình hiện đại hóa mà là nền tảng để hội nhập bền vững.

Thái Nguyên là tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam, nơi có hơn 50 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số, bên cạnh nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số. Người Sán Dìu là một trong những cộng đồng có quy mô lớn tại địa phương, song hiện nay đang đối mặt với nguy cơ mai một các giá trị văn hóa truyền

thống. Xã Cổ Lũng (huyện Phú Lương) có 2.806 hộ với gần 10.000 nhân khẩu, trong đó khoảng 25% là đồng bào Sán Dìu, tập trung chủ yếu tại sáu xóm gồm Đường Goòng, Cổ Lũng, Làng Phan, Làng Ngói, Làng Đông và Đồng Sang; riêng xóm Làng Ngói, tỷ lệ người Sán Dìu chiếm tới 70%⁽²⁾. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cấp bách đối với công tác bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc Sán Dìu trong bối cảnh biến đổi xã hội và phát triển kinh tế - du lịch địa phương.

Trong kỷ nguyên công nghệ số, truyền thông không chỉ dừng lại ở việc truyền tải thông tin mà còn đóng vai trò định hình cách công chúng nhìn nhận và phản ứng trước các vấn đề xã hội. Truyền thông vận hành thông qua các “khung” diễn giải, tác động đồng thời đến nhận thức và hành vi của công chúng. Theo Goffman, “khung” là những giản đồ diễn giải cho phép con người “xác định, tiếp nhận, định dạng và dán nhãn cho vô số những sự biến diễn ra trong cuộc sống của họ”⁽³⁾. Gamson

William cũng chỉ ra rằng quá trình đóng khung của báo chí gần như hoàn toàn ngầm ẩn và được thừa nhận như lẽ tất nhiên. Cả nhà báo lẫn công chúng đều không nhận ra rằng đây thực chất là một quá trình kiến tạo mang tính xã hội, mà chỉ đơn giản xem nó là việc phóng viên phản ánh lại sự kiện⁽⁴⁾. Cách thức đóng khung vì vậy có ý nghĩa đặc biệt trong việc định hướng dư luận và thúc đẩy các hành động xã hội liên quan đến bảo tồn văn hóa.

Từ góc độ đó, truyền thông bền vững được hiểu là quá trình xây dựng và lan tỏa các khung thông điệp nhằm hướng tới sự thay đổi xã hội công bằng, lâu dài và có sự tham gia của nhiều bên liên quan. Đây là một chủ đề mang tính thời sự, giữ vai trò thiết yếu trong nhiều lĩnh vực của đời sống hiện đại nhờ đặc trưng định hướng giải pháp và khả năng hỗ trợ xử lý các vấn đề xã hội phức hợp⁽⁵⁾. Truyền thông bền vững dựa trên ba nguyên tắc cơ bản gồm tính bao trùm, tính dài hạn và sự gắn kết với cộng đồng. Trong đó, cộng đồng được xem là chủ thể trung tâm, trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng, lan tỏa và gìn giữ các giá trị văn hóa. Với vai trò kết nối các thể hệ và tri thức bản địa, truyền thông bền vững mở ra những khả năng mới cho công tác bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số nói chung và văn hóa người Sán Diu tại tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Ở bình diện quốc tế, truyền thông trong bảo tồn văn hóa và di sản được tiếp cận ngày càng theo hướng lấy cộng đồng làm trung tâm và nhấn mạnh vai trò kiến tạo ý nghĩa xã hội của truyền thông. Chiapparini (2012) cho rằng cần chuyển từ cách tiếp cận "dân chủ hóa văn hóa" mang tính áp đặt từ trên xuống sang "dân chủ văn hóa", trong đó cộng đồng giữ vai trò chủ thể sáng tạo, tái chiếm lĩnh các phương tiện biểu đạt và truyền thông trở thành công cụ thúc đẩy sự tham gia xã hội rộng rãi⁽⁶⁾. Trên nền tảng đó, Edward (2018) nhấn mạnh vai trò của các khung trách nhiệm, khung hành động và khung giải pháp trong bảo vệ di sản văn hóa, cho thấy khung truyền thông thúc đẩy sự phối hợp giữa các chủ thể trong triển khai hoạt động bảo tồn⁽⁷⁾. Cách tiếp cận này làm rõ mối liên hệ giữa

truyền thông, nhận thức xã hội và hành động bảo vệ di sản trong bối cảnh toàn cầu hóa và hiện đại hóa. Bên cạnh các tiếp cận lý thuyết, nhiều nghiên cứu quốc tế tập trung đánh giá hiệu quả truyền thông di sản văn hóa phi vật thể trong môi trường số. Cùng với đó, nhóm tác giả Xue, Li và Meng (2019) xây dựng mô hình đánh giá hiệu quả truyền thông dựa trên việc kết hợp phương pháp Delphi nhằm tổng hợp, đạt sự đồng thuận ý kiến chuyên gia và AHP để xác định trọng số, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố truyền thông; qua đó xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chú ý, ghi nhớ, tương tác và hành động của công chúng đối với di sản văn hóa phi vật thể⁽⁸⁾.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về truyền thông và bảo tồn văn hóa những năm gần đây đã có sự phát triển cả về nội dung và hướng tiếp cận, tập trung vào vai trò của truyền thông trong định hình hình ảnh di sản, nâng cao nhận thức xã hội và gắn với phát triển bền vững ở các vùng văn hóa cụ thể. Nguyễn Bá Sinh cùng cộng sự (2025) cho rằng truyền thông di sản giữ vai trò quan trọng trong việc kiến tạo diễn ngôn, củng cố bản sắc văn hóa địa phương và định hướng cách tiếp nhận của công chúng⁽⁹⁾. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Nguyễn Thị Tình (2025) tiếp cận bảo tồn và truyền thông di sản văn hóa từ góc độ ứng dụng công nghệ số, nhấn mạnh vai trò của hoạt hình số như một hình thức truyền thông sáng tạo có khả năng chuyển tải các giá trị di sản theo cách trực quan, dễ tiếp nhận và phù hợp với môi trường truyền thông hiện đại⁽¹⁰⁾.

Từ các hướng nghiên cứu trên có thể thấy vẫn còn thiếu những phân tích vận dụng lý thuyết đóng khung trong truyền thông bảo tồn văn hóa tộc người, đặc biệt là các đánh giá về hiệu quả thông điệp, mức độ tương tác và sự tham gia của cộng đồng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này lựa chọn lý thuyết đóng khung để nhận diện các khung truyền thông chủ đạo và đề xuất định hướng truyền thông bền vững, lấy cộng đồng làm trung tâm trong bối cảnh môi trường số.

3. Các kiểu khung truyền thông trong thay đổi nhận thức hiện nay

Khung truyền thống và khung hiện đại là những khung đóng vai trò chủ đạo khẳng định rằng trọng tâm của truyền thông về văn hóa Sán Diu hiện nay vẫn đặt ở việc tôn vinh, bảo vệ và phát triển giá trị cốt lõi của di sản. Các sản phẩm truyền thông trong khung truyền thống thường sử dụng ngôn ngữ giàu cảm xúc, mang tính tôn vinh, kết hợp hình ảnh, âm thanh và câu chuyện từ chính cộng đồng để tạo hiệu ứng đồng cảm. Có thể kể đến các tuyến bài trong các kênh như □Giá trị văn hóa dân tộc Sán Diu ở Thái Nguyên: Không để thời gian khóa lấp□, □Giá trị văn hóa trong lễ Cấp sắc của người Sán Diu, □Văn hóa và Du lịch: Nghệ nhân tâm huyết giữ gìn văn hoá Sán Diu□, □Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc từ trên ghế nhà trường□, □Dân ca Sán Diu là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia□, □Dân tộc và phát triển: Giữ giữ tiếng nói, chữ viết người Sán Diu□... Khung này còn đóng vai trò duy trì mối liên kết giữa quá khứ - hiện tại, góp phần xây dựng nền tảng bền vững cho phát triển văn hóa dân tộc.

Khung hiện đại hóa chủ yếu gắn với ứng dụng công nghệ số, phát triển du lịch cộng đồng và đổi mới giáo dục văn hóa. Các tin điện tử, truyền hình hay phát thanh thường đề cập như □Bí thư chi bộ người Sán Diu gương mẫu, làm kinh tế giỏi ở Phổ Yên□, □Trải nghiệm không gian văn hóa dân tộc ít người lần đầu tiên ở Việt Nam□, □Văn hóa và Du lịch: Bảo tồn văn hoá dân tộc thiểu số qua số hóa ngôn ngữ□... Bên cạnh đó, khung hiện đại hóa còn tận dụng truyền thống để thúc đẩy phát triển kinh tế như □Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số□, □Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch□... Khung này giúp văn hóa tiếp cận thế hệ trẻ bằng ngôn ngữ và phương tiện quen thuộc, tăng tính hấp dẫn, đồng thời mở rộng khả năng truyền bá ra ngoài cộng đồng địa phương, tính tương ứng với bối cảnh công nghệ số.

Ba khung giải pháp, trách nhiệm và hành động hình thành trục chính của truyền thông văn hóa Sán Diu, bảo đảm sự gắn kết giữa chiến lược, tương tác và sự tham gia trực tiếp của cộng đồng.

Các sản phẩm truyền thông khung giải pháp thường nêu rõ giải pháp theo từng cấp độ: chính sách nhà nước, hoạt động của địa phương và sáng kiến của cộng đồng qua các thể loại tin như □Đồng Hỷ: Truyền dạy, thực hành hát Soọng Cô□, □Nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy thực hành hát Soọng Cô□, □Dạy hát Soọng Cô - cách làm hiệu quả của Trường THCS Bàn Đạt□... Khung này làm cầu nối giữa nhận thức và hành động, định hướng công tác bảo tồn bằng các bước đi cụ thể trong thực tiễn. Khung trách nhiệm xuất hiện nhiều, nhấn mạnh vào trách nhiệm của các bên liên quan, bao gồm chính quyền, các tổ chức văn hóa, các chuyên gia và cộng đồng người Sán Diu trong việc bảo tồn văn hóa như □Bảo tồn văn hoá của các dân tộc rất ít người - trách nhiệm không của riêng ai□, □Nghệ nhân ưu tú Hoàng Trọng Quý - Một đời trao quyền văn hóa Sán Diu□, □Văn hóa và Du lịch: Nghệ nhân tâm huyết giữ gìn văn hoá Sán Diu□... Khung trách nhiệm thúc đẩy, gắn kết tinh thần cộng đồng, tạo ra trách nhiệm xã hội theo hướng tích cực để duy trì di sản văn hóa dân tộc. Khung hành động mô tả trực tiếp các hoạt động đã và đang diễn ra để bảo tồn văn hóa Sán Diu như □Phát huy vai trò người có uy tín trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc□, □Thái Nguyên thành lập Hội Bảo vệ và Phát huy giá trị văn hóa dân tộc Sán Diu□... Khung này giúp duy trì di sản văn hóa tạo thúc đẩy sự tham gia của tất cả các bên và tăng tính lan tỏa cộng đồng.

4. Tác động của các khung truyền thông về văn hóa đến nhận thức cộng đồng

Dựa trên lý thuyết đóng khung của Erving Goffman, mỗi □khung□ được xem là một cơ chế định hình nhận thức, giúp con người xác lập ý nghĩa, sắp xếp và diễn giải các hiện tượng xã hội⁽¹¹⁾. Kết quả phân tích cho thấy, trong truyền thông về văn hóa Sán Diu tại tỉnh Thái Nguyên, năm khung chủ đạo gồm khung truyền thống, khung hiện đại hóa, khung giải pháp, khung hành động và khung trách nhiệm đã được vận hành song song, bổ trợ lẫn nhau với mức độ xuất hiện và chức năng khác nhau, qua đó hình thành một cấu trúc diễn ngôn đa tầng về bảo tồn văn hóa tộc người.

Trong đó, khung truyền thống được xem là nền tảng của truyền thông về văn hóa Sán Dìu. Diễn ngôn ở khung này tập trung tái hiện hình ảnh nghệ nhân, nghi lễ, làn điệu dân ca Soọng Cô và các biểu tượng văn hóa đặc trưng, qua đó tôn vinh giá trị di sản và khơi dậy niềm tự hào, ý thức bảo tồn trong cộng đồng. Điều này thể hiện rõ qua các câu chuyện về những cá nhân tiêu biểu trong công tác gìn giữ văn hóa. Ông Trần Bình Dưỡng, Chủ tịch Hội Bảo vệ và Phát huy giá trị văn hóa dân tộc Sán Dìu tỉnh Thái Nguyên chia sẻ: □ Ông Hoàng Trọng Quý là một người con ưu tú của dân tộc Sán Dìu, là người nắm giữ sâu sắc và toàn diện những giá trị văn hóa đặc trưng cũng như các di sản quý báu của người Sán Dìu. Với tâm huyết và tinh thần trách nhiệm cao, ông Quý đã tích cực sưu tầm, gìn giữ và truyền dạy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa nhằm lan tỏa tình yêu, niềm tự hào dân tộc và ý thức bảo tồn trong cộng đồng □

Bên cạnh đó, khung hiện đại hóa mở rộng biên độ diễn ngôn, tái định vị di sản văn hóa Sán Dìu trong bối cảnh công nghệ số, giáo dục và phát triển du lịch cộng đồng, đặc biệt hướng tới nhóm công chúng trẻ. Khung này nhấn mạnh khả năng thích ứng và tạo sinh kế từ văn hóa truyền thống. Ông Tô Đăng Lưu, Bí thư, Chủ tịch UBND xã Bình Dân cho biết: □ Địa phương tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức chính trị và đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền để bà con nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nhằm thu hút du khách. Thông qua đó, các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương được bảo tồn và phát huy, đồng thời tạo điều kiện để người dân có thêm nghề mới, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. □ Qua khung hiện đại hóa, văn hóa Sán Dìu được nhìn nhận không chỉ như một giá trị cần gìn giữ mà còn là nguồn lực cho phát triển văn hóa bền vững.

Để chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể, khung giải pháp, khung hành động và khung trách nhiệm giữ vai trò then chốt trong quá trình bảo tồn và phát huy văn hóa Sán Dìu. Khung giải pháp định hướng các hoạt động như tổ chức lớp

dạy tiếng dân tộc, truyền dạy hát Soọng Cô và duy trì không gian sinh hoạt văn hóa. Khung hành động thúc đẩy sự tham gia thực tiễn của người dân thông qua lễ hội, giao lưu văn hóa và thực hành nghi lễ. Trong khi đó, khung trách nhiệm nhấn mạnh sự phối hợp giữa chính quyền, các tổ chức xã hội và cộng đồng, coi bảo tồn văn hóa là nhiệm vụ chung. Minh chứng cho tác động tích cực của các khung này, em Nguyễn Thị Quyên, học sinh lớp 9A, thành viên Câu lạc bộ hát Soọng Cô chia sẻ: □ Mặc dù không phải là người dân tộc Sán Dìu, nhưng khi được nhà trường tuyên truyền về giá trị và bản sắc của làn điệu Soọng Cô trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân địa phương, em đã mạnh dạn tham gia câu lạc bộ. Từ chỗ không biết nói tiếng dân tộc Sán Dìu và không biết hát Soọng Cô, đến nay em đã nói được một số tiếng dân tộc và hát được năm bài Soọng Cô □ Trường hợp này cho thấy truyền thông có khả năng tạo ra sự thay đổi rõ rệt về nhận thức và hành vi của người tiếp nhận.

Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy hoạt động truyền thông văn hóa Sán Dìu hiện nay vẫn tồn tại một số hạn chế đáng chú ý. Việc tập trung quá nhiều vào khung truyền thông truyền thống đã phần nào làm hình ảnh văn hóa Sán Dìu bị □ đóng khung □ trong quá khứ, chưa phản ánh đầy đủ khả năng thích ứng và biến đổi trong bối cảnh công nghệ số. Nội dung truyền thông chủ yếu vẫn được triển khai trên các kênh báo điện tử và phát thanh làm giảm khả năng lan tỏa thông điệp tới nhóm công chúng trẻ. Bên cạnh đó, cách thức truyền thông còn thiên về tường thuật một chiều, thiếu tính đối thoại và các chiến dịch thường mang tính ngắn hạn, chưa hình thành được một chiến lược truyền thông bền vững. Dẫu vậy, truyền thông - báo điện tử và phát thanh địa phương với độ tin cậy cao là kênh tiếp cận hiệu quả đối với cộng đồng dân tộc thiểu số. Đồng thời, nguồn dữ liệu văn hóa phong phú như hát Soọng Cô, các nghi lễ và trang phục truyền thống hoàn toàn có thể được chuyển đổi thành những sản phẩm truyền thông đa phương tiện như video ngắn, podcast hay nội dung số mang tính tương tác. Đặc biệt, việc kết hợp truyền thông với du lịch cộng đồng và số hóa di

sản mở ra hướng đi mới, vừa góp phần lan tỏa giá trị văn hóa Sán Dìu, vừa tạo thêm cơ hội sinh kế cho người dân địa phương.

Trong công tác truyền thông ở vùng dân tộc thiểu số, việc hiểu và khai thác hiệu quả mạng lưới gắn kết cộng đồng được xem là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả truyền thông. Khi dòng chảy truyền thông giữa chủ thể truyền thông, thông điệp và đối tượng tiếp nhận được thiết lập hài hòa, truyền thông không chỉ giúp chia sẻ tri thức văn hóa mà còn tạo nền tảng cho các hoạt động truyền thông tiếp theo⁽¹²⁾. Tổng thể, các khung truyền thông về bảo tồn văn hóa Sán Dìu không chỉ phản ánh thực trạng mà còn định hình hướng đi cho truyền thông bền vững, bảo đảm văn hóa tộc người vừa được gìn giữ, vừa thích ứng và lan tỏa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy lý thuyết đóng khung là công cụ hữu hiệu trong phân tích truyền thông văn hóa dân tộc. Việc vận dụng linh hoạt các khung truyền thông, đặc biệt là khung truyền thông kết hợp với khung hiện đại hóa, đã góp phần quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa Sán Dìu trong bối cảnh công nghệ số, qua đó mở rộng phạm vi tiếp cận từ cộng đồng địa phương đến không gian truyền thông rộng lớn hơn. Thực tiễn cho thấy, văn hóa Sán Dìu ngày càng được giới truyền thông quan tâm thông qua các sản phẩm phim, bài giới thiệu về di sản văn hóa, cũng như được quảng bá tại các bảo tàng Trung ương và địa phương và các sự kiện văn hóa quan trọng⁽¹³⁾.

Trên cơ sở thực trạng truyền thông hiện nay, nghiên cứu khuyến nghị phát triển các chiến dịch truyền thông cộng đồng mang tính tương tác, đặt người dân làm trung tâm theo hướng cùng làm, cùng kể nhằm khắc phục tình trạng truyền thông một chiều. Đồng thời, cần tăng cường các chương trình đào tạo ngắn hạn về truyền thông số cho cán bộ văn hóa cơ sở và lực lượng trẻ trong cộng đồng Sán Dìu, cũng như thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý văn hóa, giáo dục, du lịch và tổ chức cộng đồng để hình thành một hệ sinh thái truyền thông bền vững.

Trong tương lai, các nghiên cứu có thể mở rộng phân tích sang tác động của truyền thông số đối với bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt liên quan đến vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và thử nghiệm các mô hình truyền thông cộng đồng đa dạng. Việc khai thác vai trò của các công nghệ mới cũng mở ra những hướng tiếp cận tiềm năng trong việc định hình và lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc trong bối cảnh chuyển đổi số./.

(1) Hoài Thanh (1946), *Có một nền văn hóa Việt Nam*, Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam.

(2) Hải Giang (2021), *Nỗ lực giữ gìn nghệ thuật trình diễn dân gian dân tộc Sán Dìu*, truy cập nguồn: <https://vnbusiness.vn/business-song/no-luc-giu-gin-nghe-thuat-trinh-dien-dan-gian-dan-toc-san-diu-1080623.html>.

(3), (11) E. Goffman (1974), *Frame analysis: An essay on the organization of experience*, Harvard University Press, pp. 1-40.

(4) Nguyễn Thị Hương Giang (2011), *Văn hóa thị giác dưới sự quy chiếu của lý thuyết đóng khung*, Tạp chí Nghiên cứu Con người.

(5) J. Z. Andreas Ahrens (2024), *How to Become a Change-maker? Manual for HEIs Sustainable Communication in Social Media*, Springer Nature, pp. 1-19.

(6) A. Chiapparini (2012), *Communication and cultural heritage. Communication as effective tool for heritage conservation and enhancement*, truy cập nguồn: <http://hdl.handle.net/10589/56724>.

(7) E. C. Luck (2018), *Cultural Genocide and the Protection of Cultural Heritage*, *Occasional Papers in Cultural Heritage Policy*, vol. 2.

(8) Y. L. X. M. Ke Xue (2019), *An evaluation model to assess the communication effects of intangible cultural heritage*, *Journal of Cultural Heritage*, vol. 40, pp. 124-132.

(9) Nguyễn Bá Sinh, Nguyễn Thị Khánh Linh (2025), *Truyền thông về di sản văn hóa thế giới ở vùng văn hóa Kinh Bắc*, Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Trung Vương, tập 1, số 2.

(10) Nguyễn Thị Tình (2025), *Ứng dụng hoạt hình số trong bảo tồn và truyền thông di sản văn hóa Việt Nam*, Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội, tập 8A.

(11) Bùi Thị Như Ngọc (2019), *Tác động của văn hóa đến hoạt động truyền thông ở dân tộc thiểu số nước ta hiện nay*, truy cập nguồn: https://tapchicongsan.org.vn/van_hoa_xa_hoi/-/2018/54390/tac-dong-cua-van-hoa-den-hoat-dong-truyen-thong-o-vung-dan-toc-thieu-so-nuoc-ta-hien-nay.aspx.

(12) Trần Quốc Hùng (2020), *Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc Sán Dìu tiếp cận từ quan điểm quản lý di sản*, Tạp chí Nghiên cứu dân tộc, T.9, số 1.